

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2020.

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh.

2. Bà Phạm Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/02/2020 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đoàn Ngọc T, sinh năm 1987

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1983

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Đường Đ, tổ 37, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là anh Đoàn Ngọc T trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Anh và chị Huỳnh Thị Kim N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2012 tại UBND phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm, gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2017, tuy vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Huỳnh Thị Kim N.

Anh và chị N có 02 con chung là Đoàn Hải L, sinh ngày 02/02/2013 và Đoàn Khánh M, sinh ngày 01/02/2016, hiện nay cả hai con đang ở cùng vợ chồng. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Đoàn Đức L, chị N trực tiếp nuôi dưỡng con Đoàn Khánh M, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Anh đang là nhân viên của Bệnh viện Đa khoa B, thu nhập bình quân 6.000.000đ/tháng, anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Anh và chị N tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*) Bị đơn là chị Huỳnh Thị Kim N trình bày:

Về điều kiện kết hôn giữa chị và anh T như anh T đã trình bày là đúng. Chị xác định là lấy chồng xa quê thì sẽ phụng dưỡng gia đình chồng, chăm lo, vun vén cho chồng con, để anh T yên tâm công tác, học tập, vợ chồng chị sống cùng bà ngoại, mẹ đẻ và em ruột của anh T, gia đình 4 thế hệ, sống vui vẻ hạnh phúc, không có điều tiếng gì. Bản thân chị không có lỗi gì, chị đã và đang làm tròn bổn phận của con dâu, của người vợ, vợ chồng yêu thương nhau. Các khoản thu nhập của anh T đều đưa cho chị giữ và chi tiêu chung, vợ chồng đều có trách nhiệm với nhau, với con cái và gia đình. Chị thấy việc anh T xin ly hôn chị là do anh T suy nghĩ nông cạn, nghe ai đó xúi giục nên chị không đồng ý ly hôn.

*) Bà Nguyễn Thị L (là mẹ đẻ của anh T) trình bày:

Anh T và chị N tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn năm 2012, sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình bà cho đến nay. Quá trình sinh sống giữa bà và gia đình với chị N vui vẻ, hòa thuận, không có mâu thuẫn gì, vì chị N quê ở tỉnh Vĩnh Long lấy chồng xa quê nên gia đình hết lòng yêu thương, chị N là người con dâu ngoan hiền, hiếu thảo, chăm sóc chồng con chu đáo để anh T yên tâm công tác và học tập. Vợ chồng anh T và chị N đều vun đắp cho gia đình hạnh phúc, dạy bảo con cái, không cãi chửi nhau, thu nhập hằng tháng anh T đều đưa cho chị N giữ để chi tiêu chung. Theo bà việc anh T xin ly hôn chị N là do anh T suy nghĩ nông nổi, chị N không hề có lỗi gì. Với tư cách là mẹ đẻ của anh T, bà đề nghị Tòa án tạo mọi điều kiện để anh T và chị N đoàn tụ, các con được hưởng hạnh phúc trọn vẹn và đáp ứng được sự mong mỏi của gia đình bà.

*) Hàng xóm nơi cư trú của anh T và chị N cung cấp thông tin như sau:

Trong quá trình chung sống với bà con hàng xóm và tổ dân phố, anh T và chị N cư xử hài hòa, đúng mực. Anh T và chị N chung sống hòa thuận, hạnh phúc, không thấy vợ chồng có mâu thuẫn gì, hằng ngày anh T đưa đón con đi học, chị N muốn đi đâu thì anh T chở đi. Anh T và chị N đều có trách nhiệm với gia đình, chị N tuy ở nhà chăm sóc con và nội trợ nhưng luôn quan tâm và chăm sóc anh T. Với tư cách là hàng xóm, đề nghị anh T và chị N đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi anh T và chị N cư trú cung cấp nội dung như sau:

Quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa anh Đoàn Ngọc T và chị Huỳnh Thị Kim N như thế nào địa phương không rõ. Anh T xin ly hôn chị N, địa phương không mong muốn anh chị ly hôn mà đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc gia đình. Nếu anh T kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T và chị N có 02 con chung như anh chị đã trình bày. Việc ai trực tiếp nuôi con đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện chăm sóc, hoàn cảnh kinh tế của từng người để giải quyết, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con. Về tài sản chung của anh T và chị N địa phương không nắm được nên không có ý kiến gì.

*) Tại phiên hòa giải, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị N, chị N không đồng ý ly hôn, tha thiết đoàn tụ. Chị N yêu cầu anh T đưa ra lý do dẫn đến việc anh T xin ly hôn chị nhưng anh T không trình bày được. Anh T đề nghị giao cả hai con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000đ/tháng/con (hai con là 5.000.000đ/tháng).

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 147; 203; 235; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị Huỳnh Thị Kim N của anh Đoàn Ngọc T.

+ Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Anh Thanh phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hôn nhân giữa anh Đoàn Ngọc T và chị Huỳnh Thị Kim N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo anh T trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm, gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2017, tuy vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Vì vậy, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa nên xin ly hôn chị N. Tuy nhiên, theo lời trình bày của chị N thì giữa anh T và chị N không có mâu thuẫn gì đến mức trầm trọng, vợ chồng vẫn quan tâm chăm sóc nhau. Bà Nguyễn Thị L là mẹ đẻ của anh T cũng trình bày giữa chị N và gia đình bà không có mâu thuẫn gì, gia đình bà yêu thương chị N, chị N cũng hết lòng yêu thương, chăm sóc chồng con và gia đình. Chính quyền địa phương và hàng xóm nơi anh T và chị N cư trú cũng đều không thấy giữa anh T và chị N có mâu thuẫn, vợ chồng vẫn quan tâm, chăm sóc nhau. Mặt khác, anh T không đưa ra được lý do dẫn đến việc ly hôn với chị Nn. Tại phiên tòa, anh T thừa

nhận vẫn còn yêu thương chị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định: Không có căn cứ về việc anh T, chị N có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị Huỳnh Thị Kim N của anh Đoàn Ngọc T.

[2] Về nuôi con chung: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị Huỳnh Thị Kim N của anh Đoàn Ngọc T nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Đoàn Ngọc T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền anh T đã nộp tạm ứng án phí thành án phí.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147; 203; 235271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị Huỳnh Thị Kim N của anh Đoàn Ngọc T.

2. Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đoàn Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng lệ phí, án phí tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0009731 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/6/2020.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND phường L, thành phố T,
tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái